

Bản án số: 33/2018/HSST

Ngày 04 - 01 - 2018

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Hữu Anh

Bà Lèo Thị Chan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Xuân Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/HSST ngày 07 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo sau đây:

1/ **Đỗ Đăng T1**; sinh năm: 1973 tại U, HN; nơi ĐKKHKT: thôn D, xã Hòa N, huyện U, thành phố HN; nơi tạm trú: Tổ 11, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông: Đỗ Đăng Tr (đã chết) và bà: Nguyễn Thị X; có vợ: Lê Thị TL và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến nay, có mặt.

2/ **Nguyễn Hữu T2**; sinh năm: 1976 tại Q, HN; nơi ĐKKHKT: phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông: Nguyễn HT và bà: Vương Thị V; có vợ: Phan Thị B và 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến nay, có mặt.

3/ **Nguyễn Văn T3**; sinh năm: 1982 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai; nơi ĐKKHKT: phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi tạm trú: phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông: Nguyễn Văn V và bà: Phạm Thị X; có vợ: Nguyễn Thanh Tk và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; về nhân

thân: năm 2000 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản của công dân; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến nay, có mặt.

**\* Người bào chữa cho các bị cáo:** Ông Lê Minh C và Lê Minh Đ, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư số VI, Đoàn Luật sư thành phố HN, có mặt.

**\* Người bị hại:** Anh Trần Hoài N (Trần Văn N), sinh năm 1978, nơi ĐKKHKT: phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Bà Trần Thị P (mẹ đẻ của Trần Hoài N), sinh năm: 1954, nơi ĐKKHKT: phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Ông Trần Quang M (bố đẻ của Trần Hoài N), sinh năm: 1952, nơi ĐKKHKT: thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị D (vợ của Trần Hoài N), sinh năm: 1974, nơi ĐKKHKT: phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La, có mặt.

4. Cháu Trần XB (con đẻ của Trần Hoài N), sinh ngày: 12/9/1999, nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La, có mặt.

5. Cháu Trần XT (con đẻ của Trần Hoài N), sinh ngày: 11/8/2007, nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La, có mặt (người giám hộ là chị Phạm Thị D – mẹ đẻ của cháu XT).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Lê Thị TL, sinh năm: 1974, nơi ĐKKHKT: Tổ 11, phường L, thành phố S, tỉnh S, có mặt.

2. Chị Phan Thị B, sinh năm: 1978, nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La, có mặt.

3. Chị Nguyễn Thanh Tk, sinh năm: 1985, nơi ĐKKHKT: Tổ 11, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La, có mặt.

**\* Người làm chứng:**

1. Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1992, nơi ĐKKHKT: Bản C, xã CV, huyện B, tỉnh Sơn La, nơi tạm trú: phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2. Chị Quàng Thị U', sinh năm 1980, nơi ĐKKHKT: Bản H, xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 24/5/2017, sau khi uống rượu tại nhà của Nguyễn Hữu T2 ở tổ 12, phường L, thành phố Sơn La thì Đỗ Đăng T1; Nguyễn Hữu T2 và Nguyễn Văn T3 cùng đến quán anh Phùng Khắc N, ở Tổ 7, phường L, thành phố Sơn La uống bia tiếp. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì rủ nhau đến

tắm quất tại cơ sở của người khuyết tật (người mù) ở tổ 10, phường QT, thành phố Sơn La. Do quán chỉ có hai nhân viên phục vụ nên T2 và T1 vào tắm quất trước còn T3 ngồi ở bàn uống nước đợi. Khoảng 40 phút sau thì Trần Hoài N, sinh năm 1978, trú tại tổ 12, phường QT, thành phố Sơn La cũng đến tắm quất. Trong lúc đợi tắm quất thì T3 và N nói chuyện với nhau, N hỏi T3 “mày tên gì, mày ở đâu”, T3 nói “ông tuổi gì mà hỏi tên tôi” dẫn đến hai người mâu thuẫn, cãi nhau. T1 và T2 tắm quất xong đi ra ngồi ở bàn uống nước thì N và T3 đi vào phòng tắm quất, N cởi áo và nằm lên giường; lúc đó T2 tìm dép thấy một đôi giày ba ta thì hỏi “giày của ai”, N nghe thấy nói lại “giày của tao”. Nghe N nói như vậy thì T1 vén ri đơ lên nói “mày mày tao với ai, mày bao nhiêu tuổi”, N nói “tao đầu 4, tao sinh năm 74, ít ra cũng hơn tuổi chúng mày, chúng mày thích gì, Đ mẹ”, T1 nói “mày nói lại xem, mày địt mẹ ai ở đây”, N nói “tao xin lỗi vì đó là câu cửa miệng, tao xin lỗi nhưng không phải tao sợ chúng mày”. T3 không tắm quất nữa đi ra chỗ bàn uống nước thì N đi ra nói “chúng mày thích đánh nhau à” đồng thời rút thắt lưng ra vụt vào T3 thì T3 đưa tay phải lên đỡ; N đi xuống vỉa hè thì T2 nói “mày không dám đánh nó à” đồng thời cầm ống điều, T3 cầm ghế cùng T1 đuổi đánh N, T2 hô “đập chết mẹ nó đi”, N chạy về hướng ngã tư xe khách đồng thời nói “chúng mày đợi tao ở đây tí tao xử chúng mày”; T1, T2, T3 đuổi N một đoạn thì quay lại cơ sở tắm quất, T3 trả tiền tắm quất, T1 ra lấy xe máy đi về trước; T3 ra lấy xe đưa xuống đường trước cửa quán chờ T2 để đi về. T1 đi đến trước cổng sân 3/2 thì thấy N đang đi bộ quay lại, tay trái cầm dao, tay phải cầm kéo; T1 quay xe lại đi theo sau N. Khi đến gần cơ sở tắm quất thì T1 hô “chúng mày chạy đi nó cầm dao đấy”; N nói “mẹ mấy thằng chó kia đâu rồi, thích đánh nhau thì ra đây”. Lúc đó, T3 đang ngồi trên xe, T2 đang đứng ở phía sau; thấy N đến T3 xuống xe thì N tay phải cầm kéo lao vào đâm T3, T3 đưa tay phải đỡ và túm vào lưỡi kéo làm đứt da ngón tay, T3 bỏ chạy vào trong cơ sở tắm quất; N quay sang phía T2 cầm dao, kéo đâm vào T2, T2 dùng tay gạt đỡ thì bị xước da trên vành tai phải, bả vai trái, vùng ngực trái, cánh tay trái, T2 chạy vào cơ sở tắm quất lấy ống điều, T3 lấy ghế ra để đánh nhau thì N bỏ chạy về hướng ngã ba Công ty Điện lực Sơn La, T2 và T3 đuổi theo, T2 vừa đuổi vừa hô “đánh chết mẹ nó đi”. T1 thấy N bỏ chạy thì phóng xe đuổi theo, khi qua ngã ba rẽ vào đường đi vào ngã ba Xưởng in được khoảng 20 mét thì đuổi kịp, T1 định đâm xe máy vào N thì N quay lại cầm kéo đâm về phía T1, T1 nghiêng người tránh làm xe máy đổ xuống đường; N tiếp tục bỏ chạy vào hướng ngã ba Xưởng in, T1 chạy bộ đuổi theo đến ngõ số 66 đường Lê Đức Thọ thì N chạy vào trong ngõ; thấy trong ngõ tối nên T1 đứng ở ngoài chờ T3 và T2 đến hỗ trợ. T3 đuổi được một đoạn thì quay lại lấy xe máy chờ T2 đuổi theo N để hỗ trợ cùng T1, khi đến ngõ 66 thì T1 nói “nó đang ở trong này”, T2 cầm ống điều cùng T1 chạy vào trong ngõ; T3 dựng xe rồi chạy vào theo sau. Vào trong ngõ 25 mét thì gặp N đang đi từ trong ra, tay phải cầm kéo, tay trái cầm dao; T2 đứng chặn ở bên phải đường theo hướng đi vào; T3 đứng chặn ở giữa đường ngay phía sau bên trái của T2; T1 đứng chặn ở bên trái đường theo hướng đi vào. T2 cầm ống điều bằng tay phải giơ lên vụt liên tiếp 02 phát từ trên xuống trúng vào đầu của N, làm ống điều vỡ ra thành 03 mảnh thì có 01 mảnh văng ra

roi xuống đường. Bị đánh bất ngờ, N đưa hai tay lên ôm phía sau gáy, cúi người về phía trước rồi ngã nằm sấp xuống đường, đầu quay ra phía đầu ngõ, chân quay vào phía trong; T2 cầm 02 mảnh vỡ của ống điều nắm lại tiếp tục vút nhiều phát trúng vào vùng đầu, vai, tay của N. T2 lùi ra phía ngoài thì T3 lao vào dùng chân phải đạp, đá vào vùng đầu, cánh tay trái của N, đánh xong T3, T2 lùi ra phía ngoài. N đứng dậy lao về phía T1 để bỏ chạy, tay phải cầm kéo đâm, T1 tránh sang bên phải của mình đồng thời lao vào ôm ngang lưng N từ phía sau vật ngã xuống đường ở tư thế nằm nghiêng bên trái, T1 cũng ngã theo nằm đè lên phần hông, đùi của N; T1 bật dậy ở tư thế ngồi xồm, gối phải tỳ vào hông, gối trái tỳ xuống đường sau lưng N, tay phải túm vào cổ tay phải của N đè xuống đường, tay trái cạy ngón tay của N để giằng lấy kéo. Lúc đó T2 nói với T1 “chạy thôi anh” đồng thời vút 02 mảnh vỡ ống điều xuống đường, T1 nói “để tao giằng chiếc kéo của nó đã”, T2 chạy ra đầu ngõ chỗ T3 lấy xe máy chờ sẵn. T1 dùng tay trái giằng lấy được chiếc kéo thì đưa ra phía sau lấy đà rồi đâm 01 nhát vào lưng N, mũi kéo xuyên thấu vào trong lồng ngực, T1 rút kéo ra đứng dậy cầm kéo chạy ra ngoài ngồi lên xe máy cùng T3 và T2 đang chờ rồi đi ra hướng ngã ba Điện lực Sơn La. Khi chạy đến chỗ xe máy của T1 đỗ ở trên đường thì T1 xuống xe, vút chiếc kéo vào lề đường (phía bên trái theo hướng đi ra) và lấy xe của mình, do xe không nổ được máy nên T1 ngồi trên xe bám vào tay T2 ngồi phía sau T3 kéo đi; đến ngã tư Cầu trắng thì T1 nhớ ra là đang để quên điện thoại ở chỗ tắm quất thì T1 gọi xe taxi của anh Trần Việt H, trú tại tổ 12, phường L, thành phố S quay vào để lấy điện thoại; vào đến chỗ tắm quất thì T1 không lấy điện thoại ngay mà bảo anh Hải đi thẳng vào hướng ngã ba xưởng in và thấy có đông người đứng ở đầu ngõ 66, T1 bảo Hải rẽ vào đường Lê Đức Thọ và đi đến trụ sở UBND phường QT thì quay lại vào cơ sở tắm quất lấy điện thoại rồi quay lại cầu trắng sau đó cùng T3, T2 đi về nhà ngủ. Hậu quả Trần Hoài N bị thương, đưa đi cấp cứu thì tử vong. Sáng ngày 25/5/2017, sau khi biết Trần Hoài N chết thì Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2 và Nguyễn Văn T3 đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La tự thú.

Sau khi sự việc xảy ra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, kết quả:

**\* Khám nghiệm hiện trường:** Hiện trường vụ án được xác định xảy ra tại tổ 11, phường QT, thành phố Sơn La: phía Đông cách 200m là Ủy ban nhân dân phường QT; phía Tây, là ngõ số 66, đường Lê Đức Thọ, tiếp theo là khu dân cư, tổ 11 phường QT; phía Bắc, N là khu dân cư thuộc tổ 11, phường QT.

Hiện trường cụ thể: Trên mặt đường thuộc Ngõ số 66, đường Lê Đức Thọ, tại vị trí cách đường Nguyễn Du 25m, phát hiện 01 mảnh tre vỡ kích thước 64,4x4 một đầu có dính dịch màu đỏ đã khô (mảnh 1), cách mảnh 1 về phía Tây 1,5m phát hiện 1 chuôi dao màu đen kích thước 1,9 x 11,5cm, trên chuôi dao có chữ KIWI, cách chuôi dao về phía Tây 1,6m phát hiện 1 mảnh vỡ tre có kích thước 64,4x5cm (mảnh 2), cách mảnh 2 là 7 cm về hướng N phát hiện 1 mảnh tre 64,4x3,5cm (mảnh 3), cách vị trí chuôi dao 45cm về phía Bắc phát hiện đám dịch màu nâu đỏ dạng chạy đọng đã khô trên diện 1,3x0,8. Cách đám dịch này

về phía tây 0,52m có 1 đám dịch màu nâu đỏ dạng chảy đọng trên diện 1,2 x 0,8m, cách đám dịch này về phía tây 4,9m phát hiện 01 nõ điều bằng kim loại kích thước 7,6 x 3,5cm, cách nõ điều 9,2m về phía tây phát hiện 1 lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, đầu nhọn trên lưỡi dao có chữ KIWI-BRAND STAINLESSTEEL, lưỡi dao dài 16cm, bản rộng nhất 3,3cm, sống dao dày 0,1cm. Cách vị trí ngõ số 66 đường Lê Đức Thọ 170m về phía Bắc là đường 3-2. Sau khi khám nghiệm có thu mẫu dịch tại đám dịch màu nâu đỏ thứ nhất M1; mẫu dịch tại đám dịch màu nâu đỏ thứ hai M2; Thu 3 mảnh tre; thu cán dao; Lưỡi dao; thu chiếc xe máy Jupiter tại quán tằm quất. Không thu giữ được chiếc kéo bị can T1 khai dùng đâm bị hại N. Mở rộng hiện trường thu giữ 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, cán kéo bọc nhựa màu xanh, mũi kéo nhọn, chiều dài cả chiếc kéo là 22 cm, bản rộng nhất của lưỡi kéo là 2,5 cm, ký hiệu (D1). 01 con dao Thái Lan dài 25 cm; cán dao bằng nhựa màu đen dài 10,7 cm, chỗ rộng nhất là 2,8 cm, dày 1,2 cm, cán dao có chữ KIWI; lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 14,3cm, bản rộng nhất là 3,7 cm, dày 0,05 cm, ký hiệu (D2).

\* **Khám nghiệm tử thi** Trần Hoài N, sinh ngày 25/7/1978; thường trú tại tổ 12, phường QT, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

- Phần đầu: sát chân tóc vùng thái dương trái có 02 vết xây xước da song song sâu hết hạ bì cách nhau 0,3cm, vết phía dưới KT 6,6cm x 0,1cm, vết trên KT 6,4cm x 0,1cm; trên đường chân tóc mai trái 2,5cm có 01 vết bầm tím KT 5cm x 1,5cm; phía trên vành tai trái 3,3cm có vết thương rách da sâu hết hạ bì KT 3,5cm x 0,1cm (vết thứ nhất), trên vết thứ nhất 0,7cm có 01 vết rách da KT 3,5cm x 0,1cm (vết 2), trên vết hai 1,5cm có vết rách da KT 1,5cm x 0,1cm (vết 3), trên vết 3 là 02cm, có 01 vết rách da KT 4cm x 0,1cm (vết 5), các vết thương vùng thái dương đỉnh trái từ vết thứ nhất đến vết thứ năm, nằm tương đối song song với nhau, bờ mép tương đối sắc gọn; chính giữa đỉnh đầu có vết thương rách da bờ mép nham nhở KT 1,9cm x 0,2cm sâu sát xương hộp sọ; cách vết thương này 03cm sang bên phải có vết xây xước da đến hạ bì KT 1,8cm x 0,2cm; cách đỉnh vành tai phải 3,5cm có vết bầm tím KT 5cm x 3cm; vùng cằm trái cách đường chân tóc gáy lên 08cm có vết xây xước da nằm ngang sâu đến hạ bì KT 1,2cm x 0,1cm; gõ xương hộp sọ không phát hiện tổn thương.

- Vùng mặt: Góc trái có vết thương rách da bề mặt nham nhở KT 2,8cm x 0,4cm, sâu 02 cm. Giữa trán sát chân tóc có vết thương rách da nằm dọc KT 3,3 x 0,3cm sâu sát xương hộp sọ, có đuôi chuột hướng xuống dưới, đuôi chuột dài 0,8cm. Vùng góc trán phải sát đường chân tóc có vết thương có vết thương rách da KT 2,2 x 0,1cm sâu hết hạ bì. Trên đuôi cung lông mày phải có vết xây xước da đến hạ bì KT 0,6 x 0,5cm, lõm sâu 0,1cm. Từ vùng gò má trái đến tai trái có vết xây xước da hết hạ bì nằm ngang, chiều từ trước ra sau trên diện 8 x 4cm.

- Ngực: Mạn sườn trái tương ứng với xương sườn số 09 đường nách giữa có đám xây xước da, bầm tím trên diện 7,5 x 3cm.

- Tay: Mặt trước trên 1/3 cánh tay trái có vết bầm tím hình tròn đường kính 06cm, dưới vết này 02cm, có vết thương rách da bờ mép nham nhở KT

2cm x 0,6cm, sâu 0,1cm. Mặt ngoài dưới 1/3 cánh tay trái có vết bầm tím nằm dọc KT 7cm x 2cm; tại 1/3 trên cánh tay trái có biến dạng gập góc bất thường, lạo sạo xương cánh tay. Toàn bộ mặt sau ngoài cẳng tay trái xây xước da bầm tím trên diện 20 x 12cm. Mặt mu đốt ngón 1 bàn tay trái có vết bầm tím nằm dọc KT 5cm x 1cm. Lòng bàn tay trái tại ô mô út cách nếp cổ tay trái (nếp gập) 1,5cm có vết xây xước da đến trung bì KT 3cm x 0,01cm, sâu đến trung bì. Cách vết này xuống dưới 0,7cm có vết thương nằm song song, bờ mép sắc gọn KT 5cm x 0,1cm, sâu 0,3cm. Cách vết này xuống dưới 1,4cm có 01 vết thương KT 3,2cm x 0,1cm, sâu 0,3cm, 03 vết này có chiều hướng từ ngoài vào trong, từ dưới lên trên. Vùng ô mô cái bàn tay phải có vết bầm tím KT 4cm x 2cm.

- Mặt sau cơ thể: vai trái sát nền cổ có vết xây xước da đến trung bì, KT 2,5cm x 0,1cm. Dưới vết này 01cm có vết xây xước da đến trung bì KT 2,5cm x 0,1cm, xung quanh hai vết này da bầm tím trên diện 5cm x 8cm, hai vết chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải. Vùng lưng trái cách đường giữa sống 1,5cm tương ứng với khoang liên sườn số 7 có vết thương bờ mép tương đối sắc gọn KT 2,4cm x 1,1cm, khép miệng vết thương dài 2,5cm, vết thương nằm chệch từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, sâu thấu vào trong lồng ngực, qua vết thương có nhiều máu chảy ra.

- Giải phẫu tử thi: Rạch da đầu kiểm tra xương hộp sọ không có tổn thương; Mở lồng ngực: Khoang ngực trái ngập máu, phổi trái xẹp, tại chính giữa mặt sau thùy dưới phổi trái có vết thương bờ mép sắc gọn KT 1,2cm x 0,5cm, sâu 01cm, khép miệng vết thương dài 1,5cm; mở bao tim trong khoang màng ngoài tim có ít dịch. Thu: mẫu máu của tử thi ký hiệu M6.

Tại bản Kết luận giám định pháp y số 35/GĐPY, ngày 26/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận về nguyên nhân chết của Trần Hoài N: ***“Suy hô hấp cấp không hồi phục do vết thương thấu phổi trái”***.

Tại bản kết luận giám định pháp y về ADN số 75/17/TC-AND ngày 05/6/2017 của Viện pháp y Quốc gia kết luận:

- ADN thu được từ các mẫu: Vết màu nâu đỏ thấm trên tờ giấy giấy (M1), các vảy nhỏ màu nâu đỏ (M2), vết màu nâu đỏ trên mảnh tre (M3), vết màu nâu đỏ trên mảnh tre (M4), vết màu nâu đỏ trên mảnh tre (M5), dấu vết nghi ngờ trên chiếc quần lửng bằng vải bò màu xanh của Trần Văn N (M13), mẫu phết bề mặt cán dao màu đen (M14) trùng với ADN của Trần Văn N.

- ADN thu được từ các mẫu: Dấu vết nghi ngờ trên chiếc áo phong cộc tay cổ bẻ của Nguyễn Hữu T2 (M8), dấu vết nghi ngờ trên chiếc áo phong ngắn tay cổ tim màu xám sọc trắng của Nguyễn Văn T3 (M10), dấu vết nghi ngờ trên chiếc quần ngố vải thô màu vàng của Đỗ Đăng T1 (M11), trùng với ADN của Nguyễn Văn T2.

Tại cáo trạng số 32/VKS-P2 ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 về tội Giết người, theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm

- Các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan sai.

- Bà Trần Thị P (mẹ đẻ của bị hại) trình bày: về hình phạt đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật; về phân dân sự: gia đình các bị cáo đã bồi thường và khoản tiền bồi thường này đã ủy quyền toàn bộ cho chị Phạm Thị D, nay chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi chết.

- Chị Phạm Thị D (vợ bị hại) trình bày: về hình phạt đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo; về phân dân sự: gia đình các bị cáo đã bồi thường tiền mai táng phí, tiền tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần XT (con bị hại) đến năm 18 tuổi tổng số tiền là 400.000.000đ, nay yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi bà Trần Thị P mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi bà P chết và yêu cầu bồi thường thêm mỗi tháng từ 7.000.000đ đến 10.000.000đ trong thời gian 15 năm vì nếu Trần Hoài N còn sống thì là lao động chính trong gia đình.

- Cháu Trần XB và Trần XT (con đẻ của bị hại), nhất trí với ý kiến của bà P và chị D, không có yêu cầu gì khác.

- Ông Trần Quang M (bố bị hại) có đơn xin xử vắng mặt và có ý kiến về hình phạt đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; về dân sự, không có yêu cầu gì về bồi thường tổn thất tinh thần, còn đối với các khoản bồi thường khác thì theo ý kiến đề nghị của bà Trần Thị P và chị Phạm Thị D.

- Chị Lê Thị TL, chị Phan Thị B và chị Nguyễn Thanh Tk có ý kiến: Đối với số tiền 400.000.000đ mà chị Lê Thị TL, Nguyễn Thanh Tk, Phan Thị B đã thống nhất, thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại thì không yêu cầu các bị cáo hoàn trả. Ngoài ra, chị TL và chị Tk có đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy mà cơ quan điều tra tạm giữ để làm phương tiện đi lại.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trình bày lời luận tội: Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 phạm tội Giết người.

Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, o, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Đỗ Đăng T1 từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù

Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, o, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T2 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, o, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; Điều 585, 586, 587, 591, 593 Bộ luật Dân sự: Đối với khoản tiền tổn thất tinh thần, chi phí mai táng và tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần XT đến 18 tuổi, gia đình các bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận nên cần chấp nhận.

Buộc các bị cáo phải liên đới cấp dưỡng nuôi bà Trần Thị P mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 1.300.000đ.

Đối với yêu cầu của đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị các bị cáo bồi thường thêm mỗi tháng từ 7.000.000đ đến 10.000.000đ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Về vật chứng vụ án xử lý theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày: nhất trí với quan điểm truy tố về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã nêu thì các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ lỗi của người bị hại nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *“phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do người bị trái pháp luật của người bị hại gây ra”* quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để các bị cáo sớm trở về với gia đình để chăm sóc mẹ già, con nhỏ và trở thành những người có ích cho xã hội. Đối với trách nhiệm dân sự, do gia đình các bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận về tiền mai táng, tiền tổn thất tinh thần và tiếp cấp dưỡng nuôi cháu Trung nên cần chấp nhận,, còn đối với cấp dưỡng nuôi Trần Thị P thì tại phiên tòa đại diện hợp pháp cho người bị hại và các bị cáo không thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm của luật sư, không tranh luận gì.

Bà Trần Thị P, chị Phạm Thị D có ý kiến: việc anh N lấy dao, kéo là do các bị cáo đã cố ý truy sát Trần Hoài N đến cùng, do 03 bị cáo đã đuổi đánh nên N cầm theo dao, kéo để chống trả. Đề nghị xem xét xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Cháu Trần XT, Trần XB không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Luật sư bào chữa cho rằng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do bị kích động về mặt tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là không chính xác bởi lẽ, người bị kích động về tinh thần là người không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức, người phạm tội mất khả năng tự chủ và không thấy hết được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình; trạng thái này chỉ xảy ra trong chốc lát, sau đó tinh thần của họ trở lại bình thường như trước, trong vụ án này các bị cáo không bị mất hoàn toàn tự chủ về hành vi của mình mà vẫn kiểm chế được bản thân.

Đối với ý kiến của bà Trần Thị P, chị Phạm Thị D cho rằng các bị cáo đã cố ý truy sát bị hại đến cùng và dao, kéo không phải lấy từ nhà bị hại: quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trích xuất hình ảnh từ camera là có việc bị hại N cầm theo dao và kéo quay lại chỗ các bị cáo, qua kết quả giám định ADN từ dấu vết thu trên con dao thì phù hợp với ADN của Trần Hoài N và chính vì các bị cáo đuổi theo đánh, giết bị hại nên các bị cáo đã bị đưa ra xét xử về tội Giết người.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo giữ nguyên quan điểm, không có tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 khai nhận toàn bộ hành vi vào đêm ngày 24/5/2017, do có mâu thuẫn trong lời nói giữa Trần Hoài N và Nguyễn Văn T3 tại quán tắm quất người mù thuộc Tổ 10, phường QT, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La mà Trần Hoài N đã to tiếng, dùng dao và kéo là hung khí nguy hiểm tấn công trước đối với bị cáo Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Hữu T2 gây thương tích nhẹ, rách ra, chảy máu ở phần mềm trên cơ thể. Thấy vậy, các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 đã đuổi theo để chặn đánh Trần Hoài N. Khi chặn được N tại ngõ 66 đường Lê Đức Thọ, phường QT, thành phố Sơn La thì bị cáo T2 đã cầm ống điều vút vào đầu, người; bị cáo T3 dùng chân đá, đạp vào đầu, tay trái của N gây thương tích, còn bị cáo T1 chặn và tước chiếc kéo trên tay phải của N đâm một nhát vào phía sau lưng của Trần Hoài N gây thủng phổi trái dẫn tới sốc mất máu không hồi phục là nguyên nhân gây tử vong đối với Trần Hoài N.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo T1, T2, T3 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản xem xét dấu vết thân thể, kết luận giám định pháp y về tử thi, kết quả giám định pháp y về nguyên nhân chết của anh Trần Hoài N; kết quả thực

nghiệm điều tra phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 đã phạm tội Giết người, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền được sống của con người. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng chân, ống điều, kéo để đá, đánh, đâm vào nhiều bộ phận trên người Trần Hoài N có khả năng dẫn đến chết người nhưng do trước đó bị Trần Hoài N dùng dây lưng vạt vào bị cáo Nguyễn Văn T3 và có những lời nói thách thức đối với các bị cáo tại quán tắm quất. Sau khi sự việc xô xát giữa N và các bị cáo chấm dứt thì N còn cầm theo hung khí nguy hiểm là dao và kéo quay lại quán tắm quất để gây sự; N đã cầm kéo, dao đâm vào người bị cáo T3 và T2 sau đó bỏ chạy. Do quá bức xúc trước thái độ và việc làm của N nên bị cáo T2 đã chạy vào quán tắm quất cầm theo ống điều làm bằng tre cùng với bị cáo T1 và T3 dùng xe máy đuổi theo N để chặn đánh, khi chặn được N trong ngõ thì các bị cáo đã đánh lại, khi N bị ngã xuống thì bị cáo T2 và T3 bỏ ra ngoài đầu ngõ, thấy N vẫn còn cầm kéo thì bị cáo Đỗ Đăng T1 chặn và tước chiếc kéo trên tay phải của N, đồng thời đâm một nhát vào phía sau lưng, tước đi sinh mạng của Trần Hoài N. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 về tội Giết người, theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm, là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất của vụ án: Mặc dù, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do hành vi trái pháp luật của người bị hại nhưng các bị cáo phải nhận thức được rằng mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng của người khác một cách trái pháp luật thì đều bị trừng trị một cách thích đáng. Hành vi các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, không những đã tước đoạt đi tính mạng của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo, răn đe phòng ngừa chung.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, bàn bạc, phân chia trong khi thực hiện tội phạm, bị cáo Đỗ Đăng T1 là người trực tiếp gây nên cái chết của bị hại Trần Hoài N nên bị cáo T1 chịu trách nhiệm chính trong vụ án, cần có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 trực tiếp gây thương tích cho bị hại và giúp sức về tinh thần cho bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội nên khi lượng hình cần áp dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi biết bị hại Trần Hoài N chết, các bị cáo đã tự giác ra cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La tự thú về hành vi phạm tội của mình; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo đã tích cực bồi thường cho gia đình người bị hại với tổng số tiền là 400.000.000đ để khắc phục hậu quả mà các bị cáo gây ra nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Riêng đối với bị cáo Đỗ Đăng T1 có bố đẻ là ông Đỗ Đăng Tr là thương binh hạng 3/4, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chống Mỹ hạng nhì và bố đẻ bị cáo Nguyễn Hữu T2 là ông Nguyễn HT được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và là thương binh hạng 4/4 nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, không có tiền án, tiền sự cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 nên khi lượng hình cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt đối với các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, chị Lê Thị TL, Phan Thị B, Nguyễn Thanh Tk lần lượt là vợ của các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 đã bồi thường tiền mai tang phí, tiền tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần XT (sinh ngày: 11/8/2007) cho chị Phạm Thị D và bà Trần Thị P - người đại diện hợp của bị hại Trần Hoài N tổng số tiền là 400.000.000đ. Người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận đủ số tiền trên và tại phiên tòa yêu cầu các bị cáo phải cấp dưỡng nuôi bà Trần Thị P mức cụ thể là 2.000.000đ/1 tháng và do khi còn sống Trần Hoài N là lao động chính nên yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm mỗi tháng từ 7.000.000đ đến 10.000.000đ trong thời gian 15 năm.

Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường về tiền mai tang phí, tổn thất tinh thần, tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần XT (chưa thành niên) trên là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại Trần Hoài đề nghị các bị cáo phải bồi thường thêm cho gia đình bị hại mỗi tháng từ 7.000.000đ đến 10.000.000đ trong thời gian 15 năm vì Trần Hoài N là lao động chính trong gia đình nên cần buộc các bị cáo bồi thường số năm lao động còn lại của Trần Hoài N nếu N không chết là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi bà Trần Thị P là mẹ đẻ của người bị hại Trần Hoài N, xét thấy bà Trần Thị P, sinh năm 1954 theo quy định của pháp luật

thì đã hết tuổi lao động và bị hại Trần Hoài N là người con duy nhất của bà P nên cần buộc các bị cáo phải liên đới thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, theo quy định của pháp luật thì tiền cấp dưỡng trong trường hợp này không dưới 1 tháng lương cơ sở/1 tháng và được tính theo tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng bằng mức lương cơ sở là 1.350.000đ/1 tháng tính từ ngày 25/5/2017 đến khi bà Trần Thị P chết là phù hợp. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thỏa thuận với nhau số tiền cấp dưỡng nuôi bà P hàng tháng sẽ chia đều cho ba bị cáo, xét thấy thỏa thuận trên là tự nguyện, đúng quy định nên cần chấp nhận.

Đối với khoản tiền 400.000.000đ mà chị Lê Thị TL, Phan Thị B, Nguyễn Thanh Tk đã bồi thường cho gia đình bị hại thay cho các bị cáo: tại phiên tòa chị TL, B, Tk có ý kiến không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả, xét thấy yêu cầu này là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[8] Vật chứng vụ án:

Đối với 03 mảnh tre vỡ, 01 chiếc quần dài, 02 chiếc quần bò, 01 chiếc quần ngắn, 04 chiếc áo phông, 01 cán dao, 01 lưỡi dao, 01 mũ bảo hiểm, 01 kính râm, 01 bút bi, 02 chiếc giày; 01 áo bò; 01 chiếc kéo, 01 con dao; 01 chiếc quần sịp, 01 chiếc thắt lưng không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 02 chứng minh nhân dân thu giữ của bị cáo Đỗ Đăng T1 và Nguyễn Văn T3 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo T1 và T3.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Đỗ Đăng T1 và Nguyễn Văn T3 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 chiếc xe máy hiệu Honda Future có BKS 26H4- 9839 kèm theo 01 đăng ký mô tô xe máy mang tên Doanh nghiệp tư nhân Hữu Hảo, cơ quan điều tra đã tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của bị cáo Đỗ Đăng T1. Quá trình điều tra xác định được đây chiếc xe mà ông Đỗ Xuân Hảo (Giám đốc DNTN Hữu Hảo) cho vợ chồng bị cáo T1, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa chị Lê Thị TL (vợ bị cáo T1) là đồng sở hữu có ý kiến xin lại chiếc xe máy là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc xe máy hiệu Honda Airblade có BKS 26K9- 8288 kèm theo 01 đăng ký mô tô xe máy mang tên Nguyễn Văn T3, do chị Nguyễn Thanh Tk là vợ bị cáo T3 giao nộp cho cơ quan điều tra, không liên quan đến hành vi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Tk có ý kiến xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 phạm tội Giết người.

- Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, o, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Đỗ Đăng T1 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, o, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T2 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, o, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584; 585, 586, 587, 591; 593 Bộ luật Dân sự:

- Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường 400.000.000đ về khoản tiền tổn thất tinh thần, chi phí mai táng và tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần XT giữa gia đình các bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại.

- Chấp nhận chị Lê Thị TL (vợ bị cáo Đỗ Đăng T1), chị Phan Thị B (vợ bị cáo Nguyễn Hữu T2) và chị Nguyễn Thanh Tk (vợ bị cáo Nguyễn Văn T3) không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền 400.000.000đ đã bồi thường thay cho gia đình người bị hại.

- Buộc các bị cáo Đỗ Đăng T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T3 phải liên đới cấp dưỡng nuôi bà Trần Thị P mỗi tháng 1.350.000đ kể từ ngày 25/5/2017 đến khi bà Trần Thị P chết, cụ thể: bị cáo Đỗ Đăng T1 cấp dưỡng 450.000đ/1 tháng, bị cáo Nguyễn Hữu T2 cấp dưỡng 450.000đ/1 tháng, bị cáo Nguyễn Văn T3 cấp dưỡng 450.000đ/1 tháng.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 mảnh tre vỡ, trong đó: 01 mảnh tre vỡ kích thước 64,4 x 4cm, 01 mảnh tre vỡ kích thước 64,4 x 4,5cm, 01 mảnh tre vỡ kích thước 64,4 x 3,5cm.

+ 01 chiếc quần dài vải thô màu nâu đen, đã cũ; 01 chiếc áo phông cộc tay cổ bẻ màu cam nhãn hiệu AMADO cỡ XXL (tạm giữ của Nguyễn Hữu T2).

+ 01 chiếc quần bò lửng (ngố) màu xanh và 01 chiếc áo phông ngắn tay, cổ tim màu xám sọc trắng (tạm giữ của Nguyễn Văn T3).

+ 01 chiếc quần ống ngắn (quần ngố) vải thô màu vàng nhãn hiệu HDKHAKIS và 01 chiếc áo phông cộc tay cổ bẻ màu vàng nhãn hiệu CLASSIC – PAT (tạm giữ của Đỗ Đăng T1).

+ 01 chiếc quần lửng bò màu xanh (của tử thi Trần Văn N).

+ 01 chiếc áo phông ngắn tay cổ bẻ đã lộn trái màu xám; 01 chiếc quần sịp màu xám hiệu X – MEN, 01 chiếc thắt lưng da màu nâu, khóa thắt lưng màu

vàng, nhãn hiệu LEVI'S (của Trần Hoài N).

+ 01 chiếc cán dao màu đen, kích thước 1,9 x 11,5cm, trên thân cán dao có chữ KIWI.

+ 01 chiếc lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, dài 16cm, bản rộng nhất 3,3cm, sống dao dày 0,1cm, trên lưỡi dao có chữ KIWI – BRANDSTAINLESSTEEL.

+ 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, cán kéo bọc nhựa màu xanh không đều, mũi kéo nhọn, chiều dài cả kéo là 22cm, bản rộng nhất của lưỡi kéo là 2,5cm, chiều dày của sống một lưỡi kéo là 0,3cm.

+ 01 con dao loại dao Thái Lan dài 25cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 10,7cm, chỗ rộng nhất là 2,8cm, dày 1,2cm, trên cán dao có chữ KIWI; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 14,3cm có một lưỡi sắc và một đầu nhọn, bản rộng nhất là 3,7cm, dày 0,05cm.

+ 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu trắng có dây đeo màu đen; 01 kính râm màu đen; 01 bút bi màu trắng, đen, cam; 02 chiếc giày vải nhãn hiệu Thượng Đình đã cũ (01 chiếc chân trái, 01 chiếc chân phải); 01 áo bò cổ bẻ dài tay cúc phía trước màu xanh;

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, vỏ màu đen, 2 IMEI có 04 số cuối 7764; 7772 kèm 01 sim trong máy (thu giữ của Đỗ Đăng T1) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT vỏ màu đen, viền xanh, 2 IMEI có 04 số cuối 4847; 5344 kèm 01 sim trong máy (thu giữ của Nguyễn Văn T3).

- Trả cho bị cáo Đỗ Đăng T1 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Đăng T1, có số 112174386 do Công an thành phố HN cấp ngày 18/6/2011.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T3 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T3 có số 050941118 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 29/12/2011.

- Trả cho chị Lê Thị TL: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, Future neo loại xe nữ màu sơn xám, bạc, đen BKS 26H4-9839, xe có số máy JC35E0433341; số khung RLHJC355017Y033333, xe không hoạt động được, không có gương, chìa khóa kèm 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Doanh nghiệp tư nhân Hữu Hào, BKS 26H4-9839 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 27/12/2006.

- Trả cho chị Nguyễn Thanh Tk: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại xe AIRBLADE, màu sơn đỏ, đen, bạc, BKS 26K9-8288, xe có số máy 0473192, số khung 420620, xe không hoạt động được, không có gương, chìa khóa kèm 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T3, BKS 26K9-8288, có số 024942 do Công an tỉnh Sơn La cấp tháng 11/2010.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí

dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Phòng PC45 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo; Luật sư;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp thành phố HN;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tòng Thị Hiền**